

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THIỆN AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THIỆN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109817791

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 4, xóm Đình, ngõ 147, phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989 390 404

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                               | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                 | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                             | 4543     |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm bảo vệ sức khỏe | 4632     |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641     |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 14. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8531 |
| 15. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532 |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục,<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560 |
| 18. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9610 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7020 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4711 |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4721 |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm bảo vệ sức khỏe                                                             | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4723        |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                     | 4932        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                 | 5229        |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                              | 5510        |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                       | 5610(Chính) |
| 29. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể                                                                                                                 | 5629        |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                | 5630        |
| 31. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động lập danh sách, tuyển dụng lao động, giới thiệu việc làm, những người được giới thiệu không làm trong các công ty môi giới | 7810        |
| 32. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                             | 7820        |
| 33. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                          | 7830        |
| 34. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                         | 7911        |
| 35. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                  | 7912        |
| 36. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                    | 7990        |
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4771        |
| 38. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH ĐÔ | Việt Nam  | Khu 2B, Xã Tân Phú, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam              | 3.000.000.000         | 50,000    | 025092005035                                                                                            |         |

|   |                            |             |                                                                              |               |        |              |  |
|---|----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | PHÙNG THỊ<br>NGỌC<br>THIỆN | Việt<br>Nam | Xóm Đình, Xã Tân<br>Triều, Huyện Thanh<br>Trì, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 3.000.000.000 | 50,000 | 025192000320 |  |
|---|----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG THỊ NGỌC THIÊN

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/05/1992*

Dân tộc: *Mường*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025192000320*

Ngày cấp: *01/05/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Đình, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Đình, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội